TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 09/7/2024
"V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân. Ông Bùi Đức Nhân và bà Lê Thu Thuý

- Th¬ư ký phiên tòa. Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long *tham gia phiên tòa*. Ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2024, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2024/TLST - HNGĐ ngày 04/3/2024 về việc "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đ¬ưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đ¬ương sự:

1. Nguyên đơn. Anh Nguyễn T, sinh năm 1996. Nơi thường trú: Tổ 9, khu 9B, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh N,** sinh năm 1995. Nơi thường trú: Tổ 9, khu 9B, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Minh N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/5/2017, tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép; trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã và không thể giải quyết được mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N không chăm sóc tốt cho con, không tôn trọng chồng

Chỉnh sửa bằng WPS Office

và bố mẹ chồng. Đến nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống và không còn tình cảm với chị N nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Tại Bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Minh N trình bày: Về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn giữa chị và anh T như anh T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên chị đã không chung sống vưới gia đình nhà chồng nữa; dẫn đến chị và anh T bất đồng quan điểm, sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Chị cần thêm thời gian suy nghĩ và chưa đưa ra quyết định có đồng ý ly hôn với anh T hay không.

*** Về con chung**: Anh T và chị N trình bày: Quá trình chung sống anh chị có 01 (một) người con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 01/8/2018.

Quan điểm của anh T: Tại Đơn khởi kiện anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản tự khai và tại phiên toà, anh đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của chị N: Tại bản tự khai chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị do sự tự nguyện của anh T. Nếu anh T có quan điểm không cấp dưỡng nuôi con thì chị cũng đồng ý.

*** Về tài sản chung**: Anh T và chị N đều trình bày quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Đơn xin xác nhận của anh T có nội dung: Đại diện tổ 9, khu 9B, phường B, thành phố Hạ Long nơi anh chị sinh sống cung cấp thông tin: Quá trình anh chị chung sống ở địa phương xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị có một người con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 01/5/2018 hiện đang đi học, sức khoẻ bình thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không đến phiên hoà giải là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh N có địa chỉ thường trú tại phường B, thành phố Hạ Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn T:

Chỉnh sửa bằng WPS Office

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T và chị Nguyễn Thị Minh N đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017; đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng do chị N không chăm lo tốt cho con, không tôn trọng chồng và bố mẹ chồng; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị N cho rằng do chị có mâu thuẫn với bố mẹ chồng từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm; anh chị đều trình bày đã sống ly thân. Chị N chưa đưa ra quan điểm có đồng ý ly hôn hay không, nhưng vắng mặt tại phiên hoà giải, thể hiện chị không thiện chí để Toà án hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Anh T cương quyết xin ly hôn và xác định không còn tình cảm với chị N. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn T, cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh N.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 (một) người con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 01/5/2018. Quan điểm của anh T và chị N đều đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay con chung của anh chị còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị N có chỗ ở, có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng; đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có quan điểm anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N cũng đồng ý với quan điểm của anh T. Xét thấy thu nhập của chị N đảm bảo để nuôi con, anh chị đều thống nhất anh T không phải cấp dưỡng nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Anh chị đều trình bày quá trìng chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn T.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Uỷ ban thường vụ quốc

Chỉnh sửa bằng WPS Office

hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn T. Anh Nguyễn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tùng L, sinh ngày 01/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Minh N.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3.Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0000509 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Anh Nguyễn T và chị Nguyễn Thị Minh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hạ Long;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Chi cục thi hành án DS TP Hạ Long;
-Các đương sự;
- UBND phường B, TP Hạ Long;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Thanh

Chỉnh sửa bằng WPS Office